BIỂU PHÍ DỊCH VỤ THẺ[1]

(Hiệu lực từ ngày 10/3/2026)

STT	Dịch vụ	Mức phí (đã bao gồm VAT)	Phí tối thiểu
I	**THẺ TRẢ TRƯỚC**		
1	**Nạp tiền vào thẻ trên hệ thống PGBank[2]**	3.300 VND/lần	
2	**Sao kê giao dịch thẻ trả trước tại Chi nhánh/Phòng Giao dịch**	5.000 VND/thẻ/tháng	
3	**Phí duy trì thẻ hoạt động** (Thu 1 lần duy nhất trong lần nạp tiền đầu tiên trong tháng, không bị thu phí trong các tháng không nạp)	3.000 VND/lần	
4	**Phí duy trì thẻ không hoạt động** (Áp dụng đối với các thẻ có số dư nhưng không hoạt động trong 24 tháng liên tiếp)	22.000 VND/tháng	
5	**Phí kết chuyển/hoàn tiền cho thẻ định danh bị mất/thất lạc sau 13 tháng** (Áp dụng khi Khách hàng yêu cầu PGBank khóa thẻ và kết chuyển số dư của thẻ trong trường hợp thẻ bị mất/thất lạc)	20.000 VND/lần	
II	**THẺ GHI NỢ NỘI ĐỊA (Không bao gồm thẻ F-Card)**		
1	**Phát hành mới cho Khách hàng nhận thẻ trực tiếp từ Giao dịch viên/Kiểm soát viên**		
1.1	Phát hành thẻ không in PIN Mailer	55.000 VND/thẻ	
1.2	Phát hành thẻ có in PIN Mailer	66.000 VND/thẻ	
2	**Phát hành mới cho Khách hàng nhận thẻ tại địa chỉ do Khách hàng yêu cầu**		
2.1	Phát hành thẻ không in PIN Mailer	88.000 VND/thẻ	
2.2	Phát hành thẻ có in PIN Mailer	99.000 VND/thẻ	
3	**Phát hành lại**		
3.1	Phát hành lại do thẻ hết hạn	Miễn phí	
3.2	Phát hành lại theo yêu cầu của Khách hàng (mất, hỏng)	Thu theo mức phí Phát hành mới	

[1] Lưu ý:
- Việc triển khai trên thực tế các giao dịch/dịch vụ quy định tại Biểu phí này được PGBank thực hiện theo các quy định có liên quan của PGBank ban hành trong từng thời kỳ.
- Các loại phí nêu tại Biểu phí không áp dụng đối với các giao dịch, dịch vụ thẻ cụ thể tương ứng của Khách hàng cá nhân đang được áp dụng mức phí theo biểu phí riêng và không áp dụng đối với các đối tượng Khách hàng cá nhân đang được áp dụng mức phí dịch vụ theo biểu phí riêng tại các quy định khác của PGBank trong từng thời kỳ.
- PGBank không hoàn trả lại các khoản phí dịch vụ theo quy định tại các Biểu phí này đã thu trong trường hợp Khách hàng yêu cầu hủy giao dịch hoặc giao dịch không thực hiện được vì sai sót, sự cố không phải lỗi do PGBank gây ra.
- Những chi phí phát sinh ngoài Biểu phí như dịch vụ bưu phẩm, chuyển phát nhanh, fax, telex, chi phí ngân hàng trung gian, … sẽ được thu theo thực tế phát sinh phù hợp thỏa thuận giữa PGBank với khách hàng và phù hợp quy định của pháp luật ban hành trong từng thời kỳ.

[2] Thực hiện giao dịch trên hệ thống thẻ PGBank (giao dịch nạp tiền Hold import trên Epurse).

STT	Dịch vụ	Mức phí (đã bao gồm VAT)	Phí tối thiểu
4	**Cấp lại PIN**		
4.1	Cấp lại PIN (PIN Mailer)	20.000 VND/lần/thẻ	
4.2	Cấp lại PIN trên Dịch vụ Ngân hàng điện tử	Miễn phí	
5	**Thay đổi hạn mức giao dịch thẻ tại Chi nhánh/Phòng Giao dịch**	20.000 VND/lần/thẻ	
6	**Rút tiền mặt**		
6.1	Rút tiền mặt tại ATM của PGBank	Miễn phí	
6.2	Rút tiền mặt tại ATM của Ngân hàng khác	3.300 VND/giao dịch	
7	**Chuyển khoản**		
7.1	Chuyển khoản tại ATM của PGBank	Miễn phí	
7.2	Chuyển khoản tại ATM của Ngân hàng khác	2.200 VND/giao dịch	
8	**Vấn tin số dư tài khoản**		
8.1	Tại ATM của PGBank	Miễn phí	
8.2	Tại ATM của Ngân hàng khác	550 VND/lần	
9	**In sao kê giao dịch**		
9.1	Tại ATM của PGBank	550 VND/lần	
9.2	Tại ATM của Ngân hàng khác	550 VND/lần	
10	**Cung cấp sao kê giao dịch thẻ tại Chi nhánh/Phòng Giao dịch**	20.000 VND/lần/tháng	
11	**Phí duy trì thẻ hoạt động**	Miễn phí	
III	**THẺ F-CARD**		
1	**Phát hành thẻ mới cho Khách hàng nhận thẻ trực tiếp từ Giao dịch viên/Kiểm soát viên**	55.000 VND/thẻ	
2	**Phát hành mới cho Khách hàng nhận thẻ tại địa chỉ do Khách hàng yêu cầu**	88.000 VND/thẻ	
3	**Phát hành lại thẻ**		
3.1	Phát hành lại do hết hạn	Miễn phí	
3.2	Phát hành lại theo yêu cầu của Khách hàng (mất, hỏng)	55.000 VND/thẻ	
4	**Cấp lại PIN**		
4.1	Cấp lại PIN (PIN Mailer)	20.000 VND/lần/thẻ	
4.2	Cấp lại PIN trên Dịch vụ Ngân hàng điện tử	Miễn phí	
5	**Thay đổi hạn mức giao dịch thẻ**	Miễn phí	
6	**Cung cấp sao kê giao dịch thẻ tại Chi nhánh/Phòng Giao dịch**	20.000 VND/lần/tháng	
7	**Duy trì thẻ hoạt động**	Miễn phí	
IV	**THẺ TÍN DỤNG QUỐC TẾ PGBANK VISA**		
1	**Phí phát hành**	Miễn phí	
2	**Phí thường niên**		
2.1	**Thẻ chính**		
2.1.1	Thẻ Gold	300.000 VND/năm	

STT	Dịch vụ	Mức phí (đã bao gồm VAT)	Phí tối thiểu
2.1.2	Thẻ Classic	150.000 VND/năm	
2.2	**Thẻ phụ**		
2.2.1	Thẻ Gold	200.000 VND/năm	
2.2.2	Thẻ Classic	100.000 VND/năm	
3	**Thông báo thẻ mất cắp/thất lạc**		
3.1	Thông báo thẻ mất cắp/thất lạc	20.000 VND/lần thông báo	
3.2	Yêu cầu đưa lên danh sách thẻ cấm lưu hành	200.000 VND/lần yêu cầu	
4	**Phí phát hành lại/thay thế thẻ**		
4.1	Thẻ hết hạn	Miễn phí	
4.2	Phát hành lại/thay thế thẻ do Khách hàng yêu cầu	100.000 VND/lần	
4.3	Phát hành lại/thay thế thẻ do PGBank yêu cầu	Miễn phí	
5	**Cấp lại PIN**	30.000 VND/lần	
6	**Phí tra soát, khiếu nại tạm thu** (trả lại khi lỗi không thuộc về Khách hàng)	200.000 VND/lần	
7	**Phí cung cấp sao kê có đóng dấu Ngân hàng** (chưa bao gồm phí bưu điện)	20.000 VND/lần/kỳ sao kê	
8	**Phí rút tiền mặt**	4% số tiền giao dịch	50.000 VND
9	**Phí chuyển đổi ngoại tệ**	2,5% số tiền giao dịch	
10	**Phí chậm thanh toán**	4% số tiền chậm thanh toán[3]	50.000 VND
11	**Phí thay đổi hạng thẻ**	100.000 VND/lần	
12	**Phí thay đổi hạn mức tín dụng**	100.000 VND/lần	
13	**Phí thay đổi tài sản đảm bảo**	100.000 VND/lần	
14	**Phí xác nhận hạn mức tín dụng thẻ**	100.000 VND/lần	
15	**Phí đóng thẻ**	Miễn phí	
16	**Kích hoạt thẻ bằng tin nhắn SMS qua đầu số 8100**	Theo biểu phí dịch vụ của nhà mạng	

[3] Số tiền chậm thanh toán được xác định theo quy định về Thẻ tín dụng quốc tế PGBank VISA của PGBank ban hành trong từng thời kỳ.